TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KIM BẢNG** **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2019/HNGĐ-ST
Ngày 18/7/2019
V/v tranh chấp: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM BẢNG, TỈNH HÀ NAM

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Bùi Thị Nguyệt.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Nga.

2. Bà Phạm Thị Hồng Hạnh.

Thư ký phiên toà: Ông Trần Quang Tất - Thư ký Toà án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam tham gia phiên toà: Bà Đinh Thị An - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 64/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2019 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơ*n: Chị Nguyễn Thị U, sinh năm 1979.
Địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện H, thành phố Hà Nội. Có mặt.
2. Bị đơn: Anh Thái Văn N, sinh năm 1979.
Địa chỉ: Thôn C, xã N, huyện K, tỉnh Hà Nam. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn ly hôn đề ngày 05 tháng 3 năm 2018 và lời khai tại Tòa án, chị Nguyễn Thị U là nguyên đơn trình bày: Chị và anh Thái Văn N kết hôn tự nguyện, tự do tìm hiểu và có đăng ký ngày 17/01/2008 tại UBND xã N, huyện K, tỉnh Hà Nam. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống hòa thuận đến đầu năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh N ham mê lô đề, cờ bạc và ngăn cản không cho chị thăm mẹ đẻ chị khi mẹ chị lâm bệnh nặng, dẫn đến vợ

chồng thường xuyên đánh cãi, chửi nhau. Đến tháng 01/2019 chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn N, xã Đ, huyện H, thành phố Hà Nội sinh sống. Vợ chồng sống ly thân và chấm dứt quan hệ vợ chồng từ đó cho đến nay, không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Thái Văn N.

Tại bản tự khai đề đề ngày 17 tháng 5 năm 2019, anh Thái Văn N là bị đơn trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn, thời gian chung sống hòa thuận, phát sinh mâu thuẫn và thời gian sống ly thân chấm dứt quan hệ vợ chồng đúng như chị U đã trình bày. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Nay chị U ly hôn anh, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nhưng anh không đồng ý ly hôn vì anh muốn các con anh có cả bố và mẹ.

Về con chung: Chị U, anh N thống nhất trình bày, vợ chồng có hai con chung là cháu Thái Bá T, sinh ngày 01/11/2008 và cháu Thái Thị Như Q, sinh ngày 02/01/2011 đang ở với anh N từ tháng 01 năm 2019 cho đến nay. Khi ly hôn chị U đề nghị Tòa án giao cả hai cháu cho chị nuôi dưỡng, không yêu cầu anh N cấp dưỡng cho con. Trường hợp chị không được nuôi cả hai cháu thì chị đề nghị Tòa án giao cháu Thái Thị Như Q cho chị và giao cháu T cho anh N trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, lao động tự lập được. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Ý kiến của anh N xin được nuôi cả hai con chung, không yêu cầu chị U cấp dưỡng cho con.

Về con riêng: Không có.

Về tài sản chung, riêng; công nợ; công sức đóng góp; diện tích đất nông nghiệp: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa đương sự vẫn giữ nguyên yêu cầu, không sửa đổi, bổ sung, thay đổi gì. Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 236/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị U. Xử ly hôn giữa chị Nguyễn Thị U và anh Thái Văn N. Về con chung: Giao cháu Thái Thị Như Q, sinh ngày 02/01/2011 cho chị U trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi, lao động tự lập được. Giao cháu Thái Bá T, sinh ngày 01/11/2008 cho anh Thái Văn N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi, lao động tự lập được. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Án phí đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo đơn khởi kiện, chị Nguyễn Thị U yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con đối với anh Thái Văn N là bị đơn; địa chỉ: Thôn C, xã N, huyện K, tỉnh Hà Nam. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị U và anh Thái Văn N kết hôn tự nguyện, có đăng ký ngày 17 tháng 01 năm 2008 tại UBND xã N, huyện K, tỉnh Hà Nam. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị U, anh N chung sống hòa thuận đến đầu năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không quan tâm đến nhau, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra đánh, cãi chửi nhau. Do mâu thuẫn căng thẳng nên tháng 01 năm 2019 chị U bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân và chấm dứt quan hệ vợ chồng từ đó cho đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống của nhau, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị U ly hôn, anh N xác định tình cảm vợ chồng không còn nhưng anh không đồng ý ly hôn vì anh muốn các con có đủ sự chăm sóc của cha và mẹ. Việc anh N không đồng ý ly hôn chỉ là cái cớ để gây khó khăn, cản trở cho chị U trong quá trình giải quyết vụ án. Do đó yêu cầu ly hôn của chị U với anh N là có căn cứ phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình được hồi đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị U, anh N có hai con chung là cháu Thái Bá T, sinh ngày 01/11/2008 và cháu Thái Thị Như Q, sinh ngày 02/01/2011. Hiện tại cả hai cháu đang ở với anh N từ tháng 01 năm 2019. Khi ly hôn chị U, anh N không thỏa thuận được người trực tiếp nuôi con nên Tòa án căn cứ vào quyền lợi, mọi mặt của các con, các điều kiện cho sự phát triển về thể chất, tinh thần nuôi dưỡng con chung, ý kiến của các con trên 7 tuổi, cũng như công việc, mức thu nhập của mỗi bên thấy về điều kiện nuôi con thì chị U, anh N chứng minh có đủ khả năng kinh tế, thu nhập đảm bảo cho việc nuôi con sau khi ly hôn. Do đó Toà án sẽ giao cháu Thái Bá T, sinh ngày 01/11/2008 cho anh Thái Văn N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và giao cháu Thái Thị Như Q, sinh ngày 02/01/2011 cho chị Nguyễn Thị U trực tiếp trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, lao động tự lập được. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi cong chung cho nhau là phù hợp với quy định tại Điều 58; Điều 8; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình.

Về con riêng: Không có.

[4] Về tài sản chung, riêng; công nợ; công sức đóng góp và diện tích đất nông nghiệp: Không có nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Do Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Út nên chị U phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Các Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử ly hôn giữa chị Nguyễn Thị U và anh Thái Văn N.

2. Về con chung: Giao cháu Thái Thị Như Q, sinh ngày 02/01/2011 cho chị Nguyễn Thị U trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi, lao động tự lập được. Giao giao cháu Thái Bá T, sinh ngày 01/11/2008 cho anh Thái Văn N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi, lao động tự lập được. Hai bên không phải cấp dưỡng, nuôi con chung cho nhau.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Án phí: Chị Nguyễn Thị U phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị U đã nộp 300.000đồng theo biên lai số 0001541 ngày 10 tháng 5 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Bảng. Chị U đã nộp đủ.

3. Quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị U, anh Thái Văn N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Nam (để b/c);
- VKSND huyện Kim Bảng;
- Chi cục THADS huyện Kim Bảng;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Nguyệt